

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

(Ban hành theo Quyết định số 886/QĐ-ĐHHD, ngày 06/07/2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng việt: Quản trị kinh doanh
  - + Tiếng anh: Business Administration
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8.34.01.01
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
  - + Tiếng anh: Master of Business Administration
- Khoa đào tạo: khoa KT-QTKD

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh: có năng lực chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; độc lập nghiên cứu và giảng dạy ở các trường kinh tế, có khả năng làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc và có trách nhiệm cao đối với xã hội; có khả năng học tập nâng cao lên trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1 Về Kiến thức:

Học viên trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh có kiến thức hiện đại và nâng cao trong các lĩnh vực lý thuyết, thực tiễn về kinh tế, thị trường và quản trị kinh doanh.

##### 1.2.2 Về năng lực

Kết thúc khóa đào tạo người học có năng lực về:

- Phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản lý kinh doanh, đặc biệt là những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao và toàn cầu hóa.
- Nhận dạng cơ hội kinh doanh, huy động và tổ chức nguồn lực để thực hiện thành công các cơ hội và giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực hữu hạn của tổ chức.
- Tổ chức, xây dựng mô hình sản xuất và kinh doanh phù hợp với các đặc điểm kinh tế, xã hội và chiến lược kinh doanh.
- Làm chủ các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nhà quản trị chuyên nghiệp.

##### 1.2.3 Về thái độ

Học viên có đạo đức kinh doanh, thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về đầu tư, kinh doanh và sản xuất. Có tinh thần cộng đồng cao, chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ đối với những hoàn cảnh khó khăn của xã hội.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

##### **3.1.1. Thi tuyển**

Môn thi tuyển:

- + Môn chủ chốt: Quản trị học
- + Môn không chủ chốt: Kinh tế học
- + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

##### **3.1.2. Xét tuyển**

Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đối tượng tuyển sinh là:

- a/ Có bằng tốt nghiệp đại học (chính quy hoặc không chính quy) đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi, hoặc có bằng tốt nghiệp đại học gần với ngành đăng ký dự thi sau khi đã bổ sung kiến thức có trình độ tương đương.
- b/ Tốt nghiệp đại học các ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

#### **3.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp:**

Học viên không phải học chuyển đổi trong trường hợp: Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, trong vòng 10 năm trở lại.

#### **3.4. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung:**

Học viên phải học chuyển đổi gồm:

+ **Nhóm 1:** Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp quá 10 năm (120 tháng) kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh. Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, học bổ sung kiến thức 03 môn (6 tín chỉ):

- Quản trị nhân lực (2 tín chỉ)
- Quản trị chiến lược (2 tín chỉ)
- Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)

+ **Nhóm 2:** Tốt nghiệp Đại học ngành Tài chính- Nhân hàng; Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản trị dự án. Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác và đã học bổ sung kiến thức 05 môn (10 tín chỉ):

- Quản trị tài chính doanh nghiệp (2 tín chỉ)
- Quản trị nhân lực (2 tín chỉ)
- Quản trị chiến lược (2 tín chỉ)
- Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)
- Quản trị Marketing (2 tín chỉ)

+ **Nhóm 3:** Tốt nghiệp Đại học các ngành thuộc lĩnh vực khác được dự thi sau khi học bổ sung kiến thức 12 học phần sau và có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm thực tế.

- Quản trị Doanh nghiệp (2 tín chỉ)
- Quản trị tài chính doanh nghiệp (2 tín chỉ)
- Quản trị nhân lực (2 tín chỉ)
- Quản trị chiến lược (2 tín chỉ)
- Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)
- Quản trị Marketing (2 tín chỉ)
- Kinh tế vi mô (2 tín chỉ)
- Kinh tế vĩ mô (2 tín chỉ)
- Nguyên lý kế toán (2 tín chỉ)
- Phân tích hoạt động kinh doanh (2 tín chỉ)
- Quản trị học (2 tín chỉ)
- Kinh tế lượng (2 tín chỉ)

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Kiến thức và năng lực chuyên môn**

#### **1.1. Kiến thức chung**

Người học được trang bị, cập nhật và nâng cao các kiến thức cơ bản, hiện đại của chuyên ngành và liên ngành làm nền tảng vững chắc cho việc vận dụng tiếp nhận và kiến tạo tốt kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

#### **1.2. Kiến thức cơ sở**

Nắm vững có hệ thống các khái niệm, các quan hệ và qui luật phát triển của khối kiến thức cơ sở ngành ở mức độ nâng cao như: Kinh tế học quản lý, Kỹ năng quản trị.

#### **1.3. Kiến thức chuyên ngành**

Nắm vững có hệ thống và hiểu sâu sắc về các quy luật phát triển, các quan hệ, các khái niệm thuộc lĩnh vực trong chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

#### **1.4. Năng lực ngoại ngữ:**

Có năng lực về trình độ tiếng Anh đạt mức bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương (trình độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu, TOEFL 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS).

Có thể hiểu ý chính của của một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề trong lĩnh vực chuyên ngành Quản trị kinh doanh; Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau thuộc lĩnh vực chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

#### **1.5. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

##### **1.5.1. Năng lực tự chủ:**

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh;

- Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, kỹ năng ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt chuyên môn về quản trị.

#### *1.5.2. Năng lực tự chịu trách nhiệm:*

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;
- Có khả năng lập kế hoạch, giải quyết vấn đề;
- Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ và công việc được giao thuộc lĩnh vực quản lý;
- Có ý thức trách nhiệm, trung thực và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc

#### **1.6. Yêu cầu đối với luận văn**

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

b) Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

### **2. Kỹ năng**

#### **2.1. Kỹ năng chuyên môn**

- Phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản lý, đặc biệt là những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao và toàn cầu hóa.

- Nhận dạng cơ hội kinh doanh, huy động và tổ chức nguồn lực để thực hiện thành công các cơ hội đó.

- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với các đặc điểm kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh.

- Nhận dạng và giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực hữu hạn của tổ chức.

#### **2.1. Các kỹ năng bổ trợ**

- Làm chủ các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nhà quản trị chuyên nghiệp.

- Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, khách hàng của doanh nghiệp, đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác và khách hàng mà vẫn đảm bảo được lợi ích của doanh nghiệp.

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **3. Phẩm chất đạo đức**

#### **3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

Có đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi và khám phá, chấp nhận khó khăn và áp lực để thực hiện các nghiên cứu khoa học và phát hiện những vấn đề thực tiễn về kinh doanh nhằm phục vụ cộng đồng.

#### **3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

Luôn xem trọng và đưa đạo đức nghề nghiệp lên trên hết, từ đó chủ động trong công việc. Người học sau khi hoàn thành khóa học có một phẩm chất của nhà quản trị chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm cao.

#### **3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

Tuân thủ chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước

- Có trách nhiệm với công việc, xã hội và môi trường.
- Có lối sống lành mạnh
- Chăm chỉ, nhiệt tình, say mê và tâm huyết với công việc.
- Chủ động, trung thực và luôn luôn có ý thức trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **4. Những vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp các cán bộ được đào tạo có đầy đủ các tri thức về chuyên ngành QTKD, có năng lực giải quyết những tình huống thực tiễn trong công tác kinh doanh, có khả năng nghiên cứu dự báo, đề ra các giải pháp tổ chức, kinh doanh có tính khả thi. Thạc sĩ QTKD có thể tiếp tục học tập nâng cao đạt những học vị cao hơn trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ chuyên ngành QTKD có thể làm việc trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy về quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, ...

### **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyên ngành Quản trị kinh doanh, có phương pháp nghiên cứu khoa học, đáp ứng việc tiếp tục tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

## **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

|  |    |
|--|----|
| Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo | 60 |
| Khối kiến thức chung                     | 12 |
| Khối kiến cơ sở                          | 14 |
| Khối kiến thức chuyên ngành              | 19 |
| Luận văn thạc sĩ                         | 15 |

### **2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo**

| STT           | Mã học phần                                   | Tên học phần  | Số tín chỉ | Loại giờ tín chỉ |                    |           |        | Học kì | Bộ môn quản lý HP    |
|---------------|---|---|------------|------------------|--------------------|-----------|--------|--------|----------------------|
|               |   |   |            | Lý thuyết        | Bài tập, thảo luận | Thực hành | Tự học |        |                      |
| <b>I</b>      | <b>Phần kiến thức chung</b>                   |   | <b>12</b>  |                  |                    |           |        |        |                      |
| 1             | 8THXH1  | Triết học   | 4          | 36               | 48                 | -         | 180    | 1      | Nguyên lý            |
| 2             | 8TA001  | Tiếng Anh   | 3          | 27               | 36                 | -         | 135    | 1      | Ngoại ngữ chuyên     |
| 3             | 3QK103  | Phương pháp nghiên cứu định lượng                   | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 2      | BM. Thống kê-Toán KT |
| <b>II</b>     | <b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>   |   |            |                  |                    |           |        |        |                      |
| <b>2.1</b>    | <b>Kiến thức cơ sở</b>                        |   | <b>16</b>  |                  |                    |           |        |        |                      |
| <b>2.1.1</b>  | <b>Các học phần bắt buộc</b>                  |   | <b>6</b>   |                  |                    |           |        |        |                      |
| 4             | 3QK104  | Kỹ năng quản trị                                    | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 2      | BM. QTKD             |
| 5             | 3QK105  | Kinh tế học quản lý                                 | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 2      | BM Kinh tế           |
| 6             | 3QK106  | Tiếng Anh cho quản lý                               | 3          | 27               | 36                 | -         | 135    | 2      | BM. QTKD             |
| <b>2.1.2</b>  | <b>Các học phần lựa chọn: Chọn 1/2 HP sau</b> |   | <b>2</b>   |                  |                    |           |        |        |                      |
| 7,8           | 3QK107  | Quản trị dự án                                      | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM. QTKD             |
|               | 3QK108  | Hành vi tổ chức                                     | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM. QTKD             |
| <b>2.1.3</b>  | <b>Các học phần lựa chọn: Chọn 5/7 HP sau</b> |   | <b>10</b>  |                  |                    |           |        |        |                      |
| 9-15          | 3QK109  | Tổ chức lãnh thổ kinh tế                            | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM Kinh tế           |
|               | 3QK110  | Kế toán quản trị nâng cao                           | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM. KTQT             |
|               | 3QK111  | Quản lý nhà nước về kinh tế                         | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM Kinh tế           |
|               | 3QK112  | Thị trường và các định chế tài chính                | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM TCNH              |
|               | 3QK113  | Thuế trong kinh doanh                               | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM TCNH              |
|               | 3QK114  | Quản trị sự thay đổi                                | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM. QTKD             |
|               | 3QK115  | Kiểm soát quản lý                                   | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 1      | BM KTTC              |
| <b>2.2.</b>   | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>                 |   | <b>17</b>  |                  |                    |           |        |        |                      |
| <b>2.2.1</b>  | <b>Các học phần bắt buộc</b>                  |   | <b>9</b>   |                  |                    |           |        |        |                      |
| 16            | 3QK216  | Quản trị Marketing nâng cao                         | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 2      | BM. QTKD             |
| 17            | 3QK217  | Quản trị tài chính DN hiện đại                      | 3          | 27               | 36                 | -         | 135    | 3      | BM TCNH              |
| 18            | 3QK218  | Quản trị chiến lược nâng cao                        | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |
| 19            | 3QK219  | Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 2      | BM. QTKD             |
| <b>2.2.2.</b> | <b>Các học phần lựa chọn: Chọn 4/6 HP sau</b> |   | <b>8</b>   |                  |                    |           |        |        |                      |
| 20-24         | 3QK220  | Lãnh đạo và quản lý                                 | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |
|               | 3QK221  | Ra quyết định quản trị                              | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |
|               | 3QK222  | Quan hệ công chúng                                  | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |
|               | 3QK223  | Quản trị tác nghiệp                                 | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |
|               | 3QK224  | Quản trị chuỗi cung ứng                             | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |
|               | 3QK225  | Quản trị rủi ro                                     | 2          | 18               | 24                 | -         | 90     | 3      | BM. QTKD             |

|    |                     |    |  |  |  |   |
|----|---------------------|----|--|--|--|---|
| 25 | Luận văn tốt nghiệp | 15 |  |  |  | 4 |
|    | Tổng                | 60 |  |  |  |   |

### 3. Mô tả tóm tắt các học phần

3.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN (PRINCIPLES OF PHILOSOPHY) 4TC (36; 48; 0)

#### 3.1.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sỹ học khối ngành KHXH&NV đã trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

#### 3.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới, phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

#### 3.1.3. Năng lực cần đạt được:

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện lại được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

#### 3.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết
- + Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### - Giáo trình chính

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội 2016.

#### - Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHTN, CN), Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội 2016.

2. Bùi Thanh Quát (chủ biên), *Lịch sử Triết học*, Nxb Giáo dục 1999.

### 3.1.6. Hình thức thi hết học phần: thi viết trên giấy

#### 3.2. Tiếng anh 1 (English 1)

3TC (27; 36; 0)

##### 3.2.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình **Target PET**.

**Ngữ âm:** Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

**Ngữ pháp:** Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

1. Verbs to express “likes” and “dislikes”.
2. Present Simple
3. Present Continuous
4. Sentence structures: be keen on, be good at, be interested in
5. Comparatives and Superlatives
6. Sentence patterns: so/such + adjective/adverb; too /enough ... to
7. Extremely adjectives
8. Describing people
9. Past Simple
10. Used to + V
11. Passive and Active
12. Sentence patterns: owing to/due to
13. Express agreeing and disagreeing
14. Suggesting
15. May, might, could
16. Quantifiers
17. Should / ought to
18. Adverbs and Adverbial Phrases; Forming adverbs
19. Past continuous and past simple
20. Conjunctions
21. Sentence patterns: despite / in spite of



Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

1. Hobbies and interests
2. Communication and technologies
3. Family and furniture
4. Daily life
5. Food occasions
6. Going to the doctor
7. Forms of transport

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

### 3.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

#### \* Ngữ âm

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

#### \* Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

#### \* Từ vựng

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B2.

### 3.2.3. Năng lực cần đạt được:

#### \* Về mặt từ vựng, ngữ pháp:

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học.

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết.

#### \* Về kỹ năng Nghe

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B1 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu, ...)

#### \* Về kỹ năng Nói & Phát âm

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

#### \* Về kỹ năng Đọc

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu, ...)

**\* Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

1. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
2. Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

**3.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:**

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

**3.2.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:**

\* Giáo trình chính:

[1]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (Ký hiệu HLBB1)

[2]. Nguyễn Thị Quyết. 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A* (cuốn 1). Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

[3]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File - Preintermediate 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

\* Tài liệu tham khảo:

[1]. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa

[2]. *Cambridge PET*. (2004). Cambridge University Press

**3.2.6. Hình thức thi kết thúc học phần:**

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

**3.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG (QUANTITATIVE RESEARCH METHODS)**  
2TC (18; 24; 0)

**3.3.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung của học phần bao gồm trình bày lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học để các học viên cao học có được kiến thức và kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện đề tài luận văn thạc sỹ. Ngoài việc giới thiệu cho người học những kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, học phần trình bày các phương pháp tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực QTKD. Cuối cùng, học phần giới thiệu những khuôn mẫu chung và những quy định hiện hành ở Việt Nam về trình bày Báo cáo khoa học của đề tài nghiên cứu khoa học và Luận văn thạc sỹ. Ở mỗi chương đều có phần thực hành rèn luyện các kỹ năng thông qua việc sử dụng các kiến thức của chương để thực hiện một số công việc có liên quan đến viết luận văn thạc sỹ.

**3.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Xây dựng được quy trình nghiên cứu khoa học

- Xác định được vấn đề nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Xác lập giả thuyết nghiên cứu và đặt tên cho đề tài nghiên cứu
- Biết cách viết phần tổng quan tài liệu nghiên cứu
- Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài nghiên cứu
- Xác định được phương pháp nghiên cứu một vấn đề kinh tế
- Thu thập được các thông tin cần thiết cho đề tài nghiên cứu
- Xử lý được thông tin nghiên cứu bằng các phương pháp tổng hợp và phân tích dữ liệu như phân tích thống kê mô tả, phân tích mối quan hệ, phân tích sự khác biệt, kiểm định giả thuyết nghiên cứu.
- Trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và luận văn thạc sĩ nói riêng.

### 3.3.3. Năng lực cần đạt được

#### **Về kiến thức :**

- Học viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu. Sau khi hoàn thành môn học, học viên có thể làm được các công việc cụ thể sau:
  - + Hiểu được quy trình nghiên cứu khoa học của một vấn đề cụ thể theo phương pháp định lượng
  - + Xác định được vấn đề nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Xác lập giả thuyết nghiên cứu và đặt tên cho đề tài nghiên cứu
  - + Biết cách viết phần tổng quan tài liệu nghiên cứu
  - + Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài nghiên cứu
  - + Xác định được phương pháp nghiên cứu một vấn đề kinh tế
  - + Thu thập được các thông tin cần thiết cho đề tài nghiên cứu
  - + Xử lý được thông tin nghiên cứu bằng các phương pháp phân tích định lượng và định tính
  - + Biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và luận văn thạc sĩ nói riêng.

#### **Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.
- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế.
- Kỹ năng sử dụng các phần mềm SPSS, Eviews căn bản trong phân tích, xử lý dữ liệu kinh tế.
- Có kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học
- Kỹ năng thuyết trình bài nghiên cứu khoa học.

#### **\* Mục tiêu về thái độ:**

- Học viên chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết luận văn thạc sĩ trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học tập.
- Khởi gợi cho học viên hứng thú nghiên cứu khoa học.
- Học viên có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các bước trong quá trình viết luận văn thạc sĩ.

### 3.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

+ Trần Tiến Khai, *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động xã hội, 2014.

+ Nguyễn Văn Thắng, *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, năm 2014.

- Tài liệu tham khảo

+ Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 và tập 2*, NXB Hồng Đức, 2015

+ PGS. TS. Vũ Ngọc Pha, *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội, 2013.

### 3.3.6. Hình thức thi hết học phần: *Viết*

## 3.4. KỸ NĂNG QUẢN TRỊ (MANAGEMENT SKILLS)

2TC (18; 24; 0)

### 3.4.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp bao gồm nhóm kỹ năng cá nhân, nhóm kỹ năng quan hệ với con người, nhóm kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị xung đột, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tài chính và ra quyết định trong doanh nghiệp

### 3.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức về kỹ năng cá nhân, nhóm kỹ năng quan hệ với con người, nhóm kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị xung đột, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tài chính và ra quyết định trong doanh nghiệp

### 3.4.3. Năng lực cần đạt được

Kiến thức: Học viên nắm vững và vận dụng được các kiến thức tổng quát về các kỹ năng quản trị doanh nghiệp để giải quyết khéo léo các vấn đề trong quá trình quản trị doanh nghiệp và tổ chức. Bên cạnh đó, học viên rèn luyện thành thạo các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, làm việc nhóm, xử lý thông tin và ra quyết định, lãnh đạo nhóm, quản trị xung đột, tạo động lực làm việc và ra quyết định quản trị.

Kỹ năng: Học viên thành thạo các kỹ năng kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp bao gồm nhóm kỹ năng cá nhân, nhóm kỹ năng quan hệ với con người, nhóm kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị xung đột, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tài chính và ra quyết định trong doanh nghiệp.

Thái độ: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát khoa học, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề, trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

#### 3.4.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.4.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

- PGS. TS. Ngô Kim Thanh; TS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), Giáo trình kỹ năng quản trị - NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

##### **Học liệu tham khảo**

- PGS. TS Lê Quân (2018), Lãnh đạo doanh nghiệp Việt nam - NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

#### 3.4.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

### 3.5. KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ (MANAGERIAL ECONOMICS) 2TC (18; 24; 0)

#### 3.5.1. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học bao gồm các nền tảng cho thấy các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu thị trường, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư được vận dụng như thế nào để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau. Môn học có sử dụng những kỹ thuật phân tích định lượng trong phân tích kinh tế. Học viên sẽ tiếp cận được các kiến thức, kỹ năng và khả năng sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trong phân tích kinh tế và kinh doanh.

#### 3.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Vận dụng những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp.

#### 3.5.3. Năng lực cần đạt được

- Kiến thức: Hiểu rõ mục tiêu và phạm vi nghiên cứu của kinh tế học quản lý; Nắm vững những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp.

- Kỹ năng: Phát triển khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh bằng cách lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể; Có khả năng ứng dụng những kỹ thuật định lượng cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và phát hiện vấn đề để hỗ trợ cho việc ra quyết định trong một số lĩnh vực; Có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, phân tích rủi ro để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở. Ngoài ra, trong quá trình học,

học viên có cơ hội thể hiện được kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp (bao gồm kỹ năng viết và trình bày báo cáo).

- Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích của nhân dân.

#### 3.5.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.5.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

1. Tạ Đức Khánh, Giáo trình Kinh tế quản lý, NXB Giáo dục, 2012

##### **Học liệu tham khảo**

2. Vũ Kim Dũng & Cao Thuý Xiêm (2003), Giáo trình Kinh tế quản lý, NXB Thống kê.

#### 3.5.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

#### 3.6. NGOẠI NGỮ 2 (English for management)

3TC (27; 36; 0)

##### 3.6.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Tiếng Anh cho quản lý” gồm có các đơn vị bài học xoay quanh những đề tài thông dụng và hữu ích trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại và văn hóa kinh doanh nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản liên quan đến văn hóa kinh doanh, tuyển dụng và việc làm, quản lý chất lượng sản phẩm, đạo đức kinh doanh ... và giúp sinh viên trau dồi kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại và văn hóa kinh doanh.

##### 3.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Giúp người học viên tiếp cận được những từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, kiến thức cơ bản liên quan đến kinh doanh thương mại và văn hóa kinh doanh.

- Giúp người học rèn luyện những kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh cần thiết trong hoạt động kinh doanh thương mại và văn hóa kinh doanh.

- Giúp người học phát triển kỹ năng tự học ngoại ngữ, làm nền tảng cho mục tiêu tự học nghiên cứu lâu dài trong lĩnh vực ngôn ngữ học và kinh tế thương mại..

- Giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá bằng tiếng Anh

- Sinh viên có thái độ hợp tác, thân thiện, có tinh thần học hỏi sáng tạo và tinh thần học tập suốt đời, tích cực cập nhật, nâng cao kiến thức về mọi mặt, đặc biệt là kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến kinh doanh và thương mại.

##### 3.6.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Nhận biết được các kiến thức cơ bản liên quan đến kinh doanh thương mại và văn hóa kinh doanh..

Tổng hợp lại được hệ thống các kiến thức cơ bản liên quan đến kinh doanh thương mại và văn hóa kinh doanh

- Về kỹ năng: Triển khai áp dụng những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại và văn hóa kinh doanh.

Phân biệt được các phạm trù cơ bản liên quan đến những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và những kiến thức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh thương mại, văn hóa kinh doanh và việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại

Đánh giá bản chất của những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh trong chuyên ngành thương mại

Lập kế hoạch phát triển kiến thức liên quan đến và trau dồi kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng anh liên quan đến văn hóa kinh doanh, tuyển dụng và việc làm, quản lý chất lượng sản phẩm, đạo đức kinh doanh ...

Sáng tạo cách tự trau dồi những kiến thức ngôn ngữ và rèn dũa kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và văn hóa kinh doanh.

- Về thái độ: Người học cần có thái độ hợp tác, thân thiện, có tinh thần học hỏi sáng tạo và tinh thần học tập suốt đời, tích cực cập nhật, nâng cao kiến thức về mọi mặt, đặc biệt là kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh liên quan đến kinh doanh và thương mại.

#### *3.6.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 135 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### *3.6.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

##### ***Học liệu bắt buộc***

English for Management in Higher Education Studies (English for Specific Academic Purposes) Paperback – January 1, 2009

by Tony Corbalis(Author)

##### ***Học liệu tham khảo thêm***

[http://library.unimelb.edu.au/\\_\\_data/assets/pdf\\_file/0007/1924153/Vocabulary.pdf](http://library.unimelb.edu.au/__data/assets/pdf_file/0007/1924153/Vocabulary.pdf)

<http://www.macmillandictionaryblog.com/teaching-business-english>

Maia KUTATELADZE, Historical Review of Business English as a Part of English for Specific Purposes ( Journal

in Humanities; ISSN 2298-0245; Volume 3, Issue 1, 2014)

C. S. Rao, English for Science and Technology: A Learner Centered Approach

([http://www.esp-](http://www.esp-world.info/Articles_42/Documents/Rao.pdf)

[world.info/Articles\\_42/Documents/Rao.pdf](http://www.esp-world.info/Articles_42/Documents/Rao.pdf))

[http://library.unimelb.edu.au/\\_\\_\\_data/assets/pdf\\_file/0007/1924153/Vocabulary.pdf](http://library.unimelb.edu.au/__data/assets/pdf_file/0007/1924153/Vocabulary.pdf)

<http://www.macmillandictionaryblog.com/teaching-business-english>

Maia KUTATELADZE, Historical Review of Business English as a Part of English for Specific Purposes ( Journal

in Humanities; ISSN 2298-0245; Volume 3, Issue 1, 2014)

C. S. Rao, English for Science and Technology: A Learner Centered Approach

([\[world.info/Articles\\\_42/Documents/Rao.pdf\]\(http://www.esp-world.info/Articles\_42/Documents/Rao.pdf\)\)](http://www.esp-</a></p></div><div data-bbox=)

[http://library.unimelb.edu.au/\\_\\_\\_data/assets/pdf\\_file/0007/1924153/Vocabulary.pdf](http://library.unimelb.edu.au/__data/assets/pdf_file/0007/1924153/Vocabulary.pdf)

<http://www.macmillandictionaryblog.com/teaching-business-english>

Maia KUTATELADZE, Historical Review of Business English as a Part of English for Specific Purposes ( Journal

in Humanities; ISSN 2298-0245; Volume 3, Issue 1, 2014)

C. S. Rao, English for Science and Technology: A Learner Centered Approach

([\[world.info/Articles\\\_42/Documents/Rao.pdf\]\(http://www.esp-world.info/Articles\_42/Documents/Rao.pdf\)\)](http://www.esp-</a></p></div><div data-bbox=)

Maia KUTATELADZE, Historical Review of Business English as a Part of English for Specific Purposes ( Journal

in Humanities; ISSN 2298-0245; Volume 3, Issue 1, 2014)

Rao, V. Chandra. (2017). ENGLISH FOR BUSINESS AND MANAGEMENT.

3.6.6. *Hình thức thi hết học phần: viết*

3.7. QUẢN TRỊ DỰ ÁN (PROJECTS MANAGEMENT )

2TC (18; 24; 0)

3.7.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao về dự án và quản trị dự án. Học phần cung cấp qui trình lập, phân tích và lựa chọn dự án cùng với các phương pháp phù hợp. Kết thúc học phần học viên có thể đánh giá để lựa chọn dự án cũng như hoạch định, lập tiến độ và điều chỉnh tiến độ của dự án cũng như kiểm soát dự án và các vấn đề ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.

3.7.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức nền tảng về dự án và quản trị dự án. Kết thúc học phần học viên có thể đánh giá để lựa chọn dự án cũng như hoạch định, lập tiến độ và điều chỉnh tiến độ của dự án cũng như kiểm soát dự án và các vấn đề ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.

3.7.3. *Năng lực cần đạt được*

***Về kiến thức***

Học viên hiểu được các khái niệm về dự án, quản trị dự án và các cấu trúc tổ chức để quản trị dự án; Phân tích được vai trò, trách nhiệm và các kỹ năng, phẩm chất cần phải có của nhà quản trị dự án; Phân tích được các phương pháp đánh giá, so sánh lựa chọn dự



án; Hoạch định và lập được tiến độ và điều chỉnh tiến độ của dự án; Trình bày các phương pháp kiểm soát dự án và các vấn đề ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.

#### **Về kỹ năng**

- Vận dụng những kiến thức đã học vào công tác thiết lập, quản lý và thẩm định các dự án.
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn.
- Có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị dự án.
- Có kỹ năng đề xuất, phân tích và bảo vệ dự án.

#### **Về thái độ**

- Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị dự án đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế.
- Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý dự án.

#### **3.7.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
  - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
  - + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
  - + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **3.7.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

##### **Học liệu bắt buộc**

- **Quản lý Dự án**, Cao Hào Thi – Nguyễn Thúy Quỳnh Loan (Đại học Bách Khoa TP.HCM), NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM năm 2012
- **Quản trị Dự án Đầu tư**, Nguyễn Xuân Thủy – Trần Việt Hoa – Nguyễn Việt Ánh, NXB Thống kê năm 2014

##### **Học liệu tham khảo thêm**

- Quản trị Dự án Đầu tư (Hướng dẫn bài tập), Đặng Minh Trang, NXB Giáo dục năm 1997
- Quản trị Dự án Đầu tư, Bùi Xuân Phong, NXB Bru Điện năm 2014
- Project Management – A Managerial Approach, Meredith – Samuel J. – Mantel Jr., Wiley New York năm 2012

#### **3.7.6. Hình thức thi hết học phần: Viết**

3.8. HÀNH VI TỔ CHỨC (ORGANIZATIONAL BEHAVIOR) 2TC (18; 24; 0)

##### **3.8.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến cơ sở hành vi cá nhân; giá trị, thái độ cá nhân; các học thuyết tạo động lực cá nhân; cơ sở hành vi nhóm; truyền thông và giao tiếp trong nhóm; lãnh đạo nhóm và tổ chức; văn hóa tổ chức.

### 3.8.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau môn học, học viên sẽ nắm được kiến thức về lí luận, thực tiễn về tạo động lực cá nhân; cơ sở hành vi nhóm; truyền thông và giao tiếp trong nhóm; lãnh đạo nhóm và tổ chức; văn hóa tổ chức.

### 3.8.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho người học những kiến thức về hành vi của các nhân, hành vi nhóm và hành vi của tổ chức, mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và hành vi tổ chức. Nắm được bản chất của nhóm, quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Vận dụng các biện pháp tạo động lực cho các nhân, cách thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Các biện pháp tạo động lực cho các nhân, các thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.

- Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

### 3.8.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.8.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Phạm Thúy Hương, Bùi Anh Tuấn, *Giáo trình Hành vi tổ chức*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2011

2. Nguyễn Hữu Lam *Hành vi tổ chức*, , NXB Giáo dục 2002

3. Tạ Thị Hồng Hạnh, *Hành vi tổ chức*, NXB Đại học Mở TP Hồ Chí Minh, 2009

4. Robbins S.P, *Organizational Behavior*, United State Of America Prentice Inc, 1999.

5. Dương Thị Liễu, *Văn hóa kinh doanh*, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2012

### 3.8.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

3.9. TỔ CHỨC LÃNH THỔ KINH TẾ (TERRITORIAL ORGANIZATION ECONOMICS) 2TC (18; 24; 0)

#### 3.9.1. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học bao gồm:Tổ chức lãnh thổ kinh tế,tổ chức lãnh thổ kinh tế tổng hợp và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

#### 3.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Tổng quan về tổ chức lãnh thổ kinh tế

- Tổ chức lãnh thổ kinh tế tổng hợp

- Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

### 3.9.3. Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên làm chủ được những kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về tổ chức lãnh thổ kinh tế, tổ chức lãnh thổ kinh tế tổng hợp và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

b) Kỹ năng: Học viên có kỹ năng:

- Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về tổ chức lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ, tổ chức các hoạt động theo nhóm, câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề tổ chức lãnh thổ Việt Nam

- Phát hiện và giải quyết được những vấn đề tổ chức lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

- Truyền đạt được những kiến thức tổ chức lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề tổ chức lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc được bản đồ quy hoạch phát triển KT-XH các tỉnh và Việt Nam

c) Năng lực tự chủ và thái độ:

- Có tư duy phản biện, tư duy lãnh thổ trong tổ chức và quy hoạch lãnh thổ

- Độc lập phát hiện được những vấn đề tổ chức và quy hoạch lãnh thổ cần phải nghiên cứu.

- Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức chuyên sâu về tổ chức và quy hoạch lãnh thổ các vùng, tiểu vùng khác nhau.

### 3.9.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.9.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### **Học liệu bắt buộc**

1. Lê Văn Trường. *Bài giảng Tổ chức lãnh thổ kinh tế*. Trường ĐH Hồng Đức.

2. Ngô Thuý Quỳnh (2010). *Tổ chức lãnh thổ kinh tế*. NXB CTQG Hà Nội

3. Jonathan Barnett (2001). *Planning for a New century. The Regional Agenda*. Island Press.

4. Roberta Capello, Peter Nijkamp (2009). *Handbook of Regional Growth and Development Theories*. Edward Elgar. USA.

#### **Học liệu tham khảo thêm**

5. Quốc hội nước CHXHCN Việt nam (2017). *Luật Quy hoạch*.

6. Lê Văn Trường (2005). *Địa lí kinh tế-xã hội đại cương*. NXB CTQG

### 3.9.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

## 3.10. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NÂNG CAO (ADVANCED MANAGERIAL ACCOUNTING)

### 3.10.1 Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị đương đại, trên cơ sở đó đi sâu phân tích các chủ đề về kế toán quản trị nâng cao như: các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư dài hạn.

### 3.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cốt lõi bao gồm các nội dung: Tổng quan về kế toán quản trị, các phương pháp tính chi phí sản xuất, dự toán linh hoạt, đánh giá trách nhiệm quản lý và quyết định đầu tư dài hạn.

### 3.10.3. Năng lực cần đạt được

Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kế toán quản trị, phương pháp xác định chi phí theo công việc và theo quá trình; các kiến thức cơ bản về dự toán linh hoạt, các trung tâm trách nhiệm và thông tin cho quyết định đầu tư dài hạn.

Kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về kế toán quản trị để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại các đơn vị.

- Phát triển theo chiều rộng và chiều sâu kiến thức về kế toán quản trị đã được nghiên cứu trong chương trình ở bậc đại học.

- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.

Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

### 3.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.10.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### - Giáo trình chính

1. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB. Tài chính, 2009

#### - Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014.

2. TS Đoàn Ngọc Quế, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2015.

3. PGS.TS Phạm Văn Dược, Kế toán quản trị lý thuyết & bài tập, NXB Thống kê, 2010.

3.10.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

3.11. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (STATE ECONOMIC MANAGEMENT)  
2TC (18;24;0)

3.11.1. Tóm tắt nội dung học phần

Là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý khoa học của quản lý nhà nước về kinh tế. Trong đó đi sâu nghiên cứu những nội dung, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và đối với các DN nhà nước, 1 số ngành, lĩnh vực kinh tế chủ chốt.

3.11.2. Nội dung cốt lõi

Những nguyên lý cơ bản của QLNN về Kinh tế và ứng dụng trong thực tiễn Quản lý NN về Kinh tế.

3.11.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về những nguyên lý khoa học hiện đại trong quản lý nhà nước về kinh tế, đặc biệt là những nội dung và các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và trong 1 số ngành, lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế.

- Về kỹ năng: Giúp học viên có được phương pháp, kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.

- Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích của nhân dân.

3.11.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

3.11.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

**Học liệu bắt buộc:**

1. GS.TS Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS. Mai Văn Bru (2008), Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**Tài liệu tham khảo**

2. GS.TS. Phan Huy Đường(2015), Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

3. GS.TS. Lương Xuân Quỳ (2006), *Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

3.11.6. *Hình thức thi hết học phần: Viết*

3.12. THỊ TRƯỜNG VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH (MARKETS AND FINANCIAL INSTITUTIONS)

2TC (18; 24; 0)

3.12.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về thị trường tài chính, trên cơ sở đó đi sâu phân tích bản chất cấu trúc của thị trường tài chính; chức năng, vai trò của thị trường tài chính; đặc điểm của các công cụ tài chính ngắn hạn, các công cụ tài chính dài hạn; vai trò và các loại hình tổ chức tài chính trung gian; mục tiêu, các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; phân tích các chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính – tiền tệ.

3.12.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Thị trường tài chính: Cơ sở ra đời, hình thành và phát triển thị trường tài chính; Cách thức phân loại thị trường tài chính; Đặc điểm của từng thị trường; Các công cụ của thị trường tài chính; Chức năng và vai trò của thị trường tài chính.

- Thị trường tiền tệ: Đặc điểm, các bộ phận của thị trường tiền tệ; Vai trò, chức năng của thị trường tiền tệ; Các công cụ lưu thông trên thị trường tiền tệ.

- Các loại hình tổ chức tài chính trung gian: Đặc điểm, sự khác biệt giữa các tổ chức tài chính trung gian; Quy chế quản lý các trung gian tài chính.

- Lãi suất và các phép đo lãi suất: phân loại lãi suất, nắm vững các phương pháp tính lãi suất, vai trò của lãi suất trong nền kinh tế thị trường.

- Các định chế tài chính là ngân hàng: chức năng của NHTM, NHTW, mục tiêu và công cụ của chính sách tiền tệ.

3.12.3. *Năng lực cần đạt được*

***Về kiến thức :***

Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về thị trường tài chính, cách phân loại thị trường tài chính, các công cụ của thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian và các kỹ thuật cơ bản khi phân tích thị trường tài chính, các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước; ứng dụng thành thạo các phương pháp tính lãi suất đối với các công cụ tài chính.

***Về kỹ năng:***

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thị trường tài chính, phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng.

- Học viên có thể xây dựng, hoạch định, đánh giá các chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ của đơn vị.

- Lựa chọn việc phát hành chứng khoán huy động vốn phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

- Xác định lãi suất của các công cụ tài chính theo các phương pháp khác nhau.

- Giao dịch, đàm phán với khách hàng trong các tổ chức tài chính trung gian.

**Về thái độ:** Học viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tôn trọng lợi ích của khách hàng, của nhân dân; có tác phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

#### 3.12.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.12.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

GS.TS Nguyễn Văn Tiên; Giáo trình Tài chính – Tiền tệ, NXB Thống kê năm 2011.

##### **Học liệu tham khảo thêm**

1. Nguyễn Ngọc Vũ, *Giáo trình thị trường và các định chế tài chính*, NXB Đà Nẵng, 2009.

2. PGS.TS Nguyễn Hữu Tài; *Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ*, NXB Thống kê năm 2007.

3. Frederic S.Mishkin, *Tiền tệ, Ngân hàng & Thị trường Tài chính*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2008.

#### 3.12.6. Hình thức thi hết học phần: *Viết*

### 3.13. THUẾ TRONG KINH DOANH (TAXES IN BUSINESS)

2TC (18; 24; 0)

#### 3.13.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thuế trong kinh doanh cung cấp những nội dung cốt lõi như: Những vấn đề cơ bản về thuế; Quản lý thuế; Hệ thống thống thuế hiện hành tại Việt Nam. Hơn thế nữa học phần cũng cung cấp kiến thức nâng cao về một số sắc thuế quan trọng của hệ thống thuế hiện hành tại Việt Nam như Thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN..Quan đó người học có thể nắm vững kiến thức chuyên ngành về thuế và có thể vận dụng hiệu quả những kỹ năng về quản lý thuế vào quá trình quản trị doanh nghiệp.

#### 3.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- **Những vấn đề cơ bản về thuế:** Lịch sử hệ thống thuế; Khái niệm và đặc điểm của thuế; Chức năng của thuế; Phân loại thuế; Các yếu tố cấu thành một sắc thuế; Quá trình đổi mới hệ thống thuế tại Việt Nam

- **Quản lý thuế:** Những vấn đề chung về quản lý thuế; Nội dung quản lý thuế tại Việt Nam; Dịch vụ thuế và tư vấn thuế.

- **Hệ thống thuế hiện hành tại Việt Nam và vận dụng trong quá trình Quản trị doanh nghiệp:**

+ Quản trị thuế GTGT đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế GTGT; Nội dung cơ bản của luật thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế GTGT trong quản trị hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hiện nay.

+ Quản trị thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế TTĐB; Nội dung cơ bản của luật thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế TTĐB trong quản trị hoạt động TTĐB của các doanh nghiệp hiện nay.

+ Quản trị thuế xuất nhập khẩu đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế XNK; Nội dung cơ bản của luật thuế XNK hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế XNK trong quản trị hoạt động XNK của các doanh nghiệp hiện nay

+ Quản trị thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế TNDN; Nội dung cơ bản của luật thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế TNDN trong quản trị hoạt động TNDN của các doanh nghiệp hiện nay

### *3.13.3. Năng lực cần đạt được*

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về Thuế trong kinh doanh, giúp người học nắm bản chất của Thuế, các sắc thuế hiện hành, quá trình quản lý thuế. Có khả năng vận dụng liên hệ với thực tế các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về thuế và quản lý thuế, các sắc thuế cụ thể vào những vấn đề thực tế liên quan đối với hoạt động SXKD tại doanh nghiệp. Bước đầu có thể hình thành những kỹ năng cơ bản cho người học về quản lý tài chính, quản lý thuế...

Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

### *3.13.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### *3.13.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

#### **. Học liệu bắt buộc**

- TL1: TS Lê Hoàng Bá Huyền; PSG.TS Nguyễn Thị Bất - đồng chủ biên - Chính sách và nghiệp vụ Thuế - NXB Lao động - Năm 2016.



- TL2: TS Lê Hoàng Bá Huyền và các cộng sự - Câu hỏi và bài tập thuế - NXB Lao động - Năm 2016.

**. Học liệu tham khảo thêm**

- TL1: PGS.TS Nguyễn Thị Liên; PSG.TS Nguyễn Văn Hiệu – Thuế – NXB Tài chính – Năm 2008.

- TL2: Luật quản lý thuế, các luật thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCD và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành các luật trên.

*3.13.6. Hình thức thi hết học phần: Viết*

3.14. QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI (CHANGE MANAGEMENT) 2TC (18; 24; 0)

*3.14.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần giúp người học có các kiến thức liên quan đến tổng quan về sự thay đổi, phương pháp và mô hình quản trị sự thay đổi, quản trị sự thay đổi cá nhân, quản trị sự thay đổi của tổ chức, tạo động lực để thay đổi.

*3.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Kết thúc môn học, học viên hiểu được khái niệm thay đổi trong tổ chức, nhu cầu cấp thiết của việc thay đổi và quản trị sự thay đổi trong tổ chức, các quy trình quản trị sự thay đổi trong tổ chức, sự thay đổi cá nhân và phương pháp thích nghi với sự thay đổi cá nhân, tạo động lực để thay đổi trong tổ chức.

*3.14.3. Năng lực cần đạt được*

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về: khái niệm thay đổi trong tổ chức, nhu cầu cấp thiết của việc thay đổi và quản trị sự thay đổi trong tổ chức, các quy trình quản trị sự thay đổi trong tổ chức, sự thay đổi cá nhân và phương pháp thích nghi với sự thay đổi cá nhân, sự thay đổi trong tổ chức và phương pháp lãnh đạo sự thay đổi trong tổ chức. Tạo động lực để thay đổi trong tổ chức.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản trị sự thay đổi trong tổ chức, sự thay đổi cá nhân và phương pháp thích nghi với sự thay đổi cá nhân, tạo động lực để thay đổi trong tổ chức.

Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

*3.14.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

*3.14.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

**Học liệu bắt buộc**

- PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền, *Thay đổi và phát triển DN*, Trường CBPN Trung Ương.
- *Giáo trình quản lý sự thay đổi*, NXB đại học kinh tế Tp Hồ Chí Minh

**Học liệu tham khảo thêm**

- Balogun, J. & Hailey, V. H., *Exploring Strategic Change*, 3<sup>rd</sup> ed, Financial Times Prentice Hall: Harlow, 2008.
- Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A., *Organisational Behaviour*, 6<sup>th</sup> ed, Pearson Education: Milan, 2007.

3.14.6. Hình thức thi hết học phần: *Viết*

3.15. KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (MANAGEMENT CONTROL) 2TC (18; 24; 0)

3.15.1. Tóm tắt nội dung học phần

Sau khi kết thúc học phần học viên có kiến thức và kỹ năng cần thiết về các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.

3.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cốt lõi bao gồm các nội dung: Tổng quan về kiểm soát quản lý, hành vi trong tổ chức, trung tâm trách nhiệm, kiểm soát tính giá chuyển giao, lập dự toán hoạt động, phân tích báo cáo hoạt động kiểm soát quản lý, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý.

3.15.3. Năng lực cần đạt được

Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kiểm soát quản lý từ việc thiết kế các trung tâm trách nhiệm, kiểm soát giá chuyển giao, đến việc lập dự toán hoạt động, phân tích, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý.

Kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về kiểm soát quản lý để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại các đơn vị.

- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.

Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

3.15.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa

học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.15.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### **-Tài liệu chính:**

(1) Nguyễn Phương Hoa (2011), Giáo trình kiểm soát quản lý, NXB đại học kinh tế quốc dân.

#### **- Học liệu tham khảo thêm**

(1) Phạm Văn Dược (2010), Kế toán quản trị lý thuyết \$ bài tập, NXB Thống kê.

(2) Trần Xuân Nam (2015), Kế toán tài chính, NXB Tài chính.

### 3.15.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

## 3.16. QUẢN TRỊ MARKETING NÂNG CAO (ADVANCED MARKETING MANAGEMENT) 2TC (18; 24; 0)

### 3.16.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp người học những kiến thức cơ bản về hoạch định chiến lược Marketing trong doanh nghiệp; Quản lý nhãn hiệu; Quản lý quan hệ khách hàng; Quản trị Marketing quốc tế; Quản trị phát triển sản phẩm mới; Những vấn đề về hoạt động Marketing ở các doanh nghiệp Việt Nam. Các chuyên đề được lựa chọn trên cơ sở sự cần thiết và tính phức tạp trong việc thực hiện các nghiệp vụ Marketing ở các doanh nghiệp Việt Nam.

### 3.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau môn học, học viên sẽ nắm được kiến thức thế nào là hoạch định chiến lược Marketing trong doanh nghiệp; Quản lý nhãn hiệu; Quản lý quan hệ khách hàng; Quản trị Marketing quốc tế; Quản trị phát triển sản phẩm mới; Những vấn đề về hoạt động Marketing ở các doanh nghiệp Việt Nam.

### 3.16.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho người học những hiểu biết sâu hơn về quản lý các nghiệp vụ marketing trong doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho người học những thông tin khoa học cập nhật về quản trị Marketing trong doanh nghiệp

- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để điều hành hoạt động Marketing trong doanh nghiệp; Có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phần đầu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

### 3.16.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
  - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
  - + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
  - + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.16.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### **Học liệu bắt buộc**

- Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhựt, *Quản trị Marketing hiện đại*, Nhà xuất bản tài chính, năm 2016

- PGS.TS Trương Đình Chiến, *Quản trị Marketing*, NXB Kinh tế quốc dân năm 2017

#### **Học liệu tham khảo thêm**

- ThS Nguyễn Đình Toàn, Bài giảng Quan hệ công chúng, NXB ĐH KTQD năm 2017

### 3.16.6. Hình thức thi hết học phần: *Viết*

## 3.17. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI (MODERN CORPORATE FINANCE MANAGEMENT)

3TC (27; 36; 0)

### 3.17.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm những nội dung chính về những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

### 3.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững kiến thức về quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại với việc giải quyết 3 vấn đề cơ bản của nhà quản trị là đầu tư vào lĩnh vực nào với việc dự toán vốn đầu tư; nguồn tài trợ và cơ cấu nguồn tài trợ như thế nào; những quyết định liên quan đến quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn cũng như những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

### 3.17.3. Năng lực cần đạt được

Kiến thức: Học viên có năng lực ra quyết định dựa trên việc phân tích dự toán vốn đầu tư để đầu tư; có năng lực phân tích để lựa chọn loại hình tài trợ; có năng lực quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn của doanh nghiệp; có năng lực phân tích để tiến hành mua bán, sáp nhập cũng như chống lại việc thôn tính thông qua mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

Kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và làm việc theo nhóm
- Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp

Thái độ: có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tác phong cách làm việc khoa học, chính xác.

#### 3.17.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết
- + Tự học: 135 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.17. 5. Danh mục tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

- Nguyễn Minh Kiều, (2010), *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, NXB Thống Kê.

##### **Học liệu tham khảo thêm**

- Phạm Quan Trung, (2012), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Kinh tế Quốc dân
- David Whitehurst, (2002), *Fundamentals of Corporate Finance*, McGraw-Hill/Irwin.

#### 3.17.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

### 4.18. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC NÂNG CAO (ADVANCED STRATEGIC MANAGEMENT) 2TC (18; 24; 0)

#### 3.18.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và phát triển chiến lược kinh doanh và sự vận dụng trong thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về CL và QTCL; phát triển chiến lược, mô hình nội dung phát triển CLKD theo tiếp cận quản trị chiến lược hiện đại: xác định định hướng phát triển CLKD của DN trên cơ sở phân tích ma trận SWOT, ma trận IE..., phát triển chiến lược đáp ứng thị trường mục tiêu của DN, phát triển chiến lược cung ứng & truyền thông và thực hiện giá trị trên thị trường mục tiêu của DN, phát triển tổ chức và lãnh đạo CLKD của DN.

#### 3.18.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau môn học, học viên sẽ nắm được kiến thức về lí luận, thực tiễn, các định hướng và giải pháp quản trị và phát triển chiến lược kinh doanh cho các DN Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

#### 3.18.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho người học những hiểu biết sâu hơn quản trị chiến lược của doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho người học những thông tin khoa học cập nhật về xu hướng quản trị chiến lược trong bối cảnh hiện nay.
- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng và quản trị chiến lược của một doanh nghiệp cụ thể.
- Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

#### 3.18.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.18.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

- PGS.TS Ngô Kim Thanh (2017), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.

##### **Học liệu tham khảo thêm**

- [1]. Nguyễn Bách Khoa (2010), *Tái cấu trúc chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp ngành may Việt Nam*, Hội thảo quốc tế "Tái cấu trúc các DN ngành công thương VN", ĐHTM.
- [2]. Bùi Xuân Nhân & Nguyễn Hoàng Long (2010), *Phát triển chiến lược kinh doanh của các DN ngành may Việt Nam*, Đề tài NCKH Cấp Bộ GD&ĐT.
- [3]. Nguyễn Hoàng Việt (2010), *Luận cứ khoa học phát triển CLKDTM của các DNNCP ngành may VN*, Luận án Tiến sỹ kinh tế, ĐHTM.
- [4]. Tôn Thất Nguyễn Thiêm (2006), *Thị trường - Chiến lược - Cơ cấu*, NXB Trẻ
- [5]. Pearce & Robinson (2010), *Strategic Management - Formulation, Implementation and Control*, NXB McGraw-Hill.
- [6]. Michael A. Hitt; R. Duane Ireland; Robert E. Hoskisson; Rowe Sheppard (2009), *Strategic Management - Competitiveness and Globalization, Second Edition*, NXB Thompson Canada.

#### 3.18.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

### 3.19. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ

### 3.19.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.

### 3.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau môn học, học viên sẽ nắm được kiến thức về các trường phái quản trị nhân lực, các nội dung của công tác quản trị nhân lực như hoạch định và tuyển dụng nhân lực, bố trí và sử dụng nhân lực, đào tạo và phát triển, đãi ngộ nhân lực ... phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa

### 3.19.3. Năng lực cần đạt được

**Kiến thức:** Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh toàn cầu

**Kỹ năng:** Có kỹ năng hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ nhân sự trong doanh nghiệp

**Về thái độ:** Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

### 3.19.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.19.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### **Học liệu bắt buộc:**

1. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân – *Giáo trình Quản trị nhân lực* – NXB Thống kê, Hà Nội, 2015;

#### **Học liệu tham khảo**

1. George T.Milkovich, John W.Boudreau (TS Vũ Trọng Hùng dịch), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2005
2. Đinh Phúc – Khánh Linh (Biên soạn), *Quản lý nhân sự*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2007.

### 3.19.6. Hình thức thi hết học phần : Viết

## 3.20. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LEADERSHIP AND MANAGEMENT) 2TC (18; 24; 0)

### 3.20.1. Tóm tắt nội dung học phần

Kết thúc môn học, học viên hiểu được những vai trò, chức năng của nhà lãnh đạo, quản lý trong tổ chức; Hiểu được các phong cách lãnh đạo, quản lý năng lực và những thách thức của người lãnh đạo, quản lý trong thế kỷ 21; Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả những kỹ năng, nghệ thuật lãnh đạo như: đàm phán, thuyết phục, động viên, huấn luyện, giao việc, ủy quyền.

### 3.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về Lãnh đạo và Quản lý, giúp người học nắm bản chất của Lãnh đạo và Quản lý.

- Nắm được những nội dung cơ bản về kỹ năng, công cụ lãnh đạo và kỹ năng quản lý hiệu quả.

- Hiểu được các phong cách lãnh đạo, quản lý năng lực và những thách thức của người lãnh đạo, quản lý trong thế kỷ 21;

- Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả những kỹ năng, nghệ thuật lãnh đạo, quản lý như: đàm phán, thuyết phục, động viên, huấn luyện, giao việc, ủy quyền.

### 3.20.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về Lãnh đạo và Quản lý, giúp người học nắm bản chất của Lãnh đạo và Quản lý. Nắm được những nội dung cơ bản về kỹ năng, công cụ lãnh đạo và kỹ năng quản lý hiệu quả. Vận dụng liên hệ với thực tế các hoạt động lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về lãnh đạo, quản lý vào những vấn đề thực tế liên quan. Bước đầu có thể hình thành những kỹ năng cơ bản cho người học như kỹ năng xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản trị thời gian, kỹ năng đánh giá huấn luyện, kỹ năng quản lý, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý tài chính... Xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành sau này.

Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt



đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phần đầu trở thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

#### 3.20.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.20.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

1. John C.Maxwell (2012), Phát triển kỹ năng lãnh đạo (Developing the Leader within You), NXB Lao động-Xã hội.
2. James C.Humes (2016), 21 bí mật của những nhà diễn thuyết tài ba nhất lịch sử, NXB Lao Động.
3. Loren B. Belker Gary S.Topchik (2016), The first – time manager, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
4. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), Khoa học lãnh đạo, NXB lý luận chính trị.
5. PGS.TS Nguyễn Bá Dương (2015), Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng, NXB Lý luận chính trị.

##### **Học liệu tham khảo thêm**

1. John C.Maxwell (2012), Tinh hoa lãnh đạo (Leadership Gold), NXB Lao động-Xã hội.
2. John C.Maxwell (2012), 21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo (The 21 irrefutable laws of Leadership), NXB Lao động-Xã hội
3. John C.Maxwell (2012), Nhà Lãnh đạo 360 0 (360 0 Leader), NXB Lao động-Xã hội
4. Jeffray A.Krames (2012), 7 CEO thành công nhất nước Mỹ, Công ty Alpha Sách và NXB Lao động – Xã hội.
5. Thmas J.Robins, Wayne D.Morrison (2003), Quản lý và kỹ thuật quản lý, 2003. James C. Humes (2016),
6. Jim Collins (2016), Từ tốt đến vĩ đại, Nhà xuất bản trẻ.

#### 3.20.6. Hình thức thi hết học phần : Viết

### 3.21. RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ (MANAGERIAL DECISION MAKING)

2TC (18; 24; 0)

#### 3.21.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học Ra quyết định quản trị xoay quanh những nội dung chính như sau:

- Các khái niệm cơ bản về vấn đề, nguồn gốc nảy sinh vấn đề, các loại vấn đề, và các phương án tiếp cận vấn đề.
- Các mô hình đưa ra quyết định trong quản lý và quản trị
- Phát huy trí tuệ tập thể trong quá trình ra quyết định, phát huy tính dân chủ người ra quyết định phải có cách nhìn đa chiều sâu sắc tuy nhiên vẫn đảm bảo được tính quyết đoán và sáng suốt.
- Vai trò của lãnh đạo trong tập thể và khối thống nhất
- Phân tích sự liên quan và tác động qua lại giữa văn hóa và ra quyết định quản trị.

### 3.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Nắm được những nội dung cơ bản về mô hình ra quyết định và các phương pháp ra quyết định trong quản trị, đặc biệt là quản trị doanh nghiệp
- Vận dụng linh hoạt yếu tố tâm lý con người và văn hóa đặc thù vùng miền trong việc huy động trí tuệ tập thể trong quá trình ra quyết định.
- Liên hệ kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn trong việc phát huy vai trò của người lãnh đạo.
- Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả những kỹ năng, nghệ thuật lãnh đạo, quản lý như: đàm phán, thuyết phục, động viên, huấn luyện, giao việc, ủy quyền.

### 3.21.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về ra quyết định trong quản trị, giúp người học nắm bản chất và vai trò của người ra quyết định. Nắm được những nội dung cơ bản về kỹ năng, công cụ lãnh đạo và kỹ năng quản lý hiệu quả. Vận dụng liên hệ với thực tế các hoạt động lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu để đưa ra quyết định đặc biệt là những quyết định về quản trị doanh nghiệp. Kỹ năng ra quyết định là một trong những kỹ năng quan trọng trong công tác quản trị và điều hành tổ chức, tập thể hoặc đơn vị nào đó.

Xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành sau này.

- Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

### 3.21.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
  - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
  - + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.21.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### **Học liệu bắt buộc**

1. Hoàng Văn Hải, Nguyễn Việt Lộc, Nguyễn Ngọc Thắng (2014), *Ra quyết định Quản trị*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

2. Michael Nicholas (1988), *Kỹ năng ra quyết định hiệu quả*, NXB Lao động.

#### **Học liệu tham khảo thêm**

1/ PGS.TS Đồng Thị Thanh Phương, ThS Nguyễn Đình Hòa, ThS Trần Thị Ý Nhi (2008) *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp* NXB Thống kê

2/ GS. TS Đồng Thị Thanh Phương (2007) *Giáo Trình Quản Trị Doanh Nghiệp* Nhà xuất bản Thống kê

3/ PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân (2007) *Giáo trình quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân

### 3.21.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

3.22. QUAN HỆ CÔNG CHÚNG (PUBLIC RELATIONS) 2TC (18; 24; 0)

#### 3.22.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học tập trung vào việc giới thiệu các khái niệm cơ bản về quan hệ công chúng, vai trò, Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của quan hệ công chúng. Hoạt động quan hệ công chúng của mỗi doanh nghiệp/tổ chức được thực hiện qua một tập hợp gồm các mảng chức năng: quan hệ đối nội, quan hệ với giới truyền thông, quản trị khủng hoảng, tổ chức sự kiện; quan hệ cộng đồng; quan hệ với nhà đầu tư và hoạt động tài trợ...

#### 3.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Hiểu được khái niệm quan hệ công chúng, các công việc cụ thể của quan hệ công chúng, những kỹ năng cơ bản cần thiết khi giao tiếp với giới truyền thông và các công cụ của quan hệ công chúng;

- Hiểu được những vấn đề đạo đức và pháp lý liên quan đến hoạt động quan hệ công chúng;

- Hiểu được tầm quan trọng của quan hệ công chúng cộng đồng, quy trình quan hệ công chúng cộng đồng và những chức năng cơ bản của quan hệ cộng đồng.

#### 3.22.3. Năng lực cần đạt được

- Kiến thức:

- Hiểu rõ PR sẽ được đặt ở vị trí nào trong mối quan hệ liên quan với các lĩnh vực nghiên cứu và nghề nghiệp khác.
  - Hiểu rõ những khái niệm và lý thuyết nền tảng của PR. Tiến trình quản trị quan hệ công chúng và một số công việc cụ thể của hoạt động PR.
  - Hiểu rõ tầm quan trọng của truyền thông trong hoạt động PR, những kỹ năng cơ bản cần thiết khi giao tiếp với giới truyền thông và các công cụ của PR.
  - Hiểu rõ hơn về hoạt động PR trong các tổ chức (đơn vị kinh doanh và cơ quan nhà nước)
- Kỹ năng: .

Có khả năng áp dụng vào thực tiễn trong các tổ chức, đơn vị kinh doanh.

#### 3.22.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.22.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

1. ThS Nguyễn Đình Toàn, Bài giảng Quan hệ công chúng, NXB ĐH KTQD năm 2017
2. Giáo trình Quan hệ công chúng, Nhóm tác giả trường ĐHHĐ, NXB Hồng Đức 2016

##### **Học liệu tham khảo**

1. Phong cách PR chuyên nghiệp - NXB Lao động xã hội năm 2016

#### 3.22.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

### 3.23. QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP (CO-OPERATION MANAGEMENT) 2TC (18; 24; 0)

#### 3.23.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu khách hàng, nghiên cứu và thiết kế sản phẩm, lựa chọn địa điểm định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất kinh doanh, lập lịch trình tác nghiệp, hoạt định tổng hợp, quản trị chất lượng và chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.

#### 3.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên được cung cấp kiến thức về:

- Kiến thức phân tích và dự báo nhu cầu khách hàng
- Kiến thức về thiết kế và tư duy thiết kế sản phẩm, dịch vụ
- Kiến thức về định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng và lập lịch trình tác nghiệp.
- Kiến thức hoạt định tổng hợp

- Kiến thức về quản trị chất lượng và chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.

### 3.23.3. Năng lực cần đạt được

Người học phân tích và dự báo được khối lượng sản phẩm dịch vụ, thiết kế được sản phẩm dịch vụ phù hợp nhu cầu khách hàng; Phân tích và ra quyết định về vị trí đặt doanh nghiệp, cách thức sắp xếp bố trí mặt bằng tác nghiệp, lựa chọn quy trình tác nghiệp và ra các quyết định tổng hợp với chi phí thấp nhất; Vận dụng kiến thức quản lý chất lượng và quản trị chuỗi cung ứng trong điều hành doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ thương mại.

### 3.23.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

### 3.23.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

*Học liệu bắt buộc:*

- PGS. TS Nguyễn Thành Hiếu, TS Trương Đức Lực, TS Nguyễn Đình Trung (2018) Giáo trình Quản trị tác nghiệp, NXB ĐH KTQD.
- TS Trương Đức Lực, TS Nguyễn Đình Trung (2013) Giáo trình Quản trị tác nghiệp, NXB ĐH KTQD.

*Học liệu tham khảo:*

- Trần Đức Lộc (2008) Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp, NXB Tài chính
- Đồng Thị Thanh Phương (2011) Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập), nxb Lao động Xã hội.

### 3.23.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

## 3.24. QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SUPPLY CHAIN MANAGEMENT)

2TC (18; 24; 0)

### 3.24.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các khái niệm quản trị chuỗi cung ứng, các quy trình chuỗi cung ứng (Hoạch định và thu mua; Sản xuất và phân phối), ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng.

### 3.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần này học viên có thể nắm vững những kiến thức nền tảng về chuỗi cung ứng, hiểu rõ giá trị và vai trò chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình hoạch định và thu mua của chuỗi cung ứng. Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm. Đánh giá công nghệ thông tin hiện có, xu hướng công nghệ thông tin mới và hiểu rõ cách thức ứng dụng công nghệ thông tin này vào các quy trình chuỗi cung ứng. Sử dụng các mô hình và hệ thống đo lường để đánh giá hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng. Có kiến thức và kỹ năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng.

#### *3.24.3. Năng lực cần đạt được*

- Về kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng như: Hoạch định và thu mua; Sản xuất và phân phối, ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng
- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để điều hành hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp; Có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động cung ứng của doanh nghiệp.
- Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

#### *3.24.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học
  - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
  - + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
  - + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### *3.24.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

##### ***Học liệu bắt buộc***

PGS.TS Lê Công Hoa, *Quản trị Hậu cần*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2013

##### ***Học liệu tham khảo thêm***

Phan Thị Thanh Trúc, *Giáo trình quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

Michael Hugos, *Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân, *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011.

3.24.6. *Hình thức thi hết học phần: Viết*

### 3.25. QUẢN TRỊ RỦI RO (RISK MANAGEMENT)

2TC (18; 24; 0)

#### 3.25.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ đối với cá nhân mà còn rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc ứng phó với những tình huống xấu có thể xảy ra, từ đó có thể hạn chế những thiệt hại trong kinh doanh. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc, mô hình, tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, đặc biệt có phân tích các nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến các hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tuân thủ, rủi ro báo cáo, rủi ro chiến lược... được giới thiệu trong môn học để giúp người học có kiến thức về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo tiêu chuẩn mới nhất.

#### 3.25.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Kết thúc môn học, học viên hiểu được những vai trò và nội dung của hoạt động quản trị rủi ro trong doanh nghiệp; Hiểu được các quy trình và cách thức cơ bản tổ chức quản trị rủi ro trong doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh phức tạp và không chắc chắn; nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả những kỹ năng, quản trị rủi ro như: thiết lập giả thiết và điều kiện tiêu chuẩn quản trị rủi ro; nhận diện rủi ro; đánh giá rủi ro; ứng phó rủi ro; kiểm soát rủi ro; giám sát và điều chỉnh quy trình quản trị rủi ro doanh nghiệp.

#### 3.25.3. *Năng lực cần đạt được*

- Về kiến thức: Cung cấp cho người học những khái niệm kiến thức chuyên môn về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như các mô hình quản trị rủi ro phổ biến đã được nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới áp dụng như ISO 31000:2009 và COSO ERM; đồng thời cung cấp các giải pháp quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo nhóm nhân tố tác động là vi mô và vĩ mô.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu để xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện, phân tích, đánh giá, kiểm soát và tài trợ rủi ro; kỹ năng ứng dụng các tiêu chuẩn hoặc mô hình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp từ đó chủ động ứng phó với những rủi ro của doanh nghiệp, cụ thể: (1) Nhận biết các rủi ro tác động đến doanh nghiệp; (2) Có khả năng phân tích, đánh giá và bước đầu áp dụng các phương pháp lượng hóa những thiệt hại do các rủi ro tác động; (3) Vận dụng được các công cụ quản trị rủi ro để có thể đề xuất những biện pháp quản trị một cách hợp lý, hiệu quả trong doanh nghiệp; (4) Giúp người học có cơ sở lý luận để nghiên cứu sâu hơn về quản trị rủi ro doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- Về thái độ: Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị rủi ro trong doanh nghiệp, từ đó có ý thức ứng dụng các kiến thức, công cụ, kỹ thuật quản trị rủi ro trong công việc và cuộc sống.

#### 3.25.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### 3.25.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### **Học liệu bắt buộc**

- PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp, Quản trị rủi ro doanh nghiệp, NXB Hồng Đức, 2017

- PhD. Robert J. Chapman, Simple Tools and Techniques for Enterprise Risk Management, tái bản lần 2, Nhà xuất bản A John Wiley & Sons, Ltd., Publication, 2015.

##### **Học liệu tham khảo thêm**

- PGS.TS Trần Kim Dung, Quản trị Nguồn nhân lực, NXB Thống kê, 2009

- Michael, David and Kathy, Fundamentals of Risk Management. NXBPaul Hopkin, 2010

- Dr. Krishna Nathan, Vice President and Director, IBM Research – Zurich Research Laboratory, INTEGRATED RISK MANAGEMENT for E-BUSINESS, NXB J.Ross, 2014.

#### 3.25.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

#### 3.26. LUẬN VĂN THẠC SĨ (THESIS OF MASTER)

15 TC

Luận văn 15 tín chỉ, thời gian thực hiện luận văn tốt nghiệp là 6 tháng, sau khi kết thúc các học phần chung, học phần của khối kiến thức cơ sở, học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc.

Học viên đăng ký nguyện vọng lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận văn, khoa đào tạo phối hợp với phòng QLĐT SĐH tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định phân công người hướng dẫn.

Nội dung, yêu cầu, quy trình làm luận văn và bảo vệ luận văn thực hiện theo quy định tại Điều 25 và 26 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; Quy cách trình bày luận văn thực hiện theo quyết định số 2147/QĐ-



ĐHHD ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về Quy định về thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ.

Yêu cầu cụ thể về luận văn và bảo vệ luận văn tốt nghiệp:

- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.
- Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, phương pháp giải quyết vấn đề đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.

#### **4. Quy định về đánh giá học phần**

Trích Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 692 ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức:

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai các quy định về đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu và đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần;

d) Kết hợp hình thức kiểm tra thường xuyên, với đánh giá ý thức chuyên cần học tập, tính độc lập, sáng tạo của người học và thi kết thúc học phần vào đánh giá kết quả học phần

2. Quy trình đánh giá học phần:

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

a) Giảng viên giảng dạy học phần tổ chức kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên. Sau khi kết thúc học phần, các khoa, bộ môn phụ trách chuyên ngành xét điều kiện dự thi các học phần và nộp kết quả xét điều kiện dự thi về Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, đồng thời lưu điều kiện dự thi tại khoa, bộ môn phụ trách.

Đề thi kết thúc học phần do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Đề thi và đáp án có chữ ký của giảng viên ra đề thi và Trưởng bộ môn, ký niêm phong và nộp về phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí.

b) Việc tổ chức chấm thi, lên điểm, quản lý bài thi được thực hiện theo Quy định chung của Nhà trường.

Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần: Tham gia:

- + 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;
- + 96-99% số tiết của học phần đạt điểm 9,0;
- + 92-95% số tiết của học phần đạt điểm 8,0;
- + 88-91% số tiết của học phần đạt điểm 7,0;
- + 84-87% số tiết của học phần đạt điểm 6,0;
- + 80-83% số tiết của học phần đạt điểm 5,0;

c) Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm học phần: } \text{ĐHP} = 0,3\text{KT} + 0,2\text{CC} + 0,5\text{ĐT}.$$

d) Các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm đánh giá học phần được ghi vào bảng điểm của học phần theo mẫu thống nhất do Nhà trường quy định, có chữ ký của các giảng viên chấm thi và giảng viên giảng dạy.

đ) Điểm học phần từng môn của mỗi học viên phải được ghi và lưu trong sổ điểm chung của khoá đào tạo.

e) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học có trách nhiệm bảo quản các bài thi, lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là 05 năm kể từ khi kết thúc khoá đào tạo.

### 3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- b) Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác;

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

Không tổ chức kiểm tra, thi ngoài các kì kiểm tra và thi nêu trong lịch trình giảng dạy và đã được công bố từ đầu khoá học.

4. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khóa sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

5. Các khiếu nại về điểm chấm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 30 ngày sau ngày công bố kết quả.

6. Xử lý vi phạm trong quá trình đánh giá học phần: Học viên sao chép bài tập, tiểu luận của người khác, sử dụng trái phép tài liệu sẽ bị đình chỉ thi và bị điểm không (0) cho học phần hoặc bài tập hoặc tiểu luận đó.

7. Đối với học phần Ngoại ngữ, sau khi học xong ngoại ngữ 1, 2 và thi đạt yêu cầu, Nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam cho học viên. Lệ phí thi do học viên đóng theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

8. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ và được bảo lưu điểm ngoại ngữ theo quy định, khi đáp ứng một trong những điều kiện về trình độ ngoại ngữ như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp (xem thêm Phụ lục I) hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;

đ) Trình độ năng lực ngoại ngữ đạt được ở mức tương đương bậc 4/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 6,0 điểm trở lên thì được cấp chứng nhận ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra.

#### **5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu**

- Phòng học có trang bị máy tính, máy chiếu, micro không dây...

- Phòng học đa năng: Cần trang bị một phòng học đa năng để có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

- Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...

## 6. Hướng thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh xây dựng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước nhằm cập nhật thông tin tri thức mới đáp ứng nhu cầu của thực tế xã hội.

Chương trình đào tạo chuyên ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo chuyên ngành, Trưởng các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Đối với các học phần tự chọn, trường Đại học Hồng Đức áp dụng hệ thống tự chọn có hướng dẫn.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa /Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng.

/.



Lê Hoàng Bá Huyền